TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM VÀ NGUY CƠ RƠI VÀO BẪY THU NHẬP TRUNG BÌNH

TS. ĐẶNG HOÀNG LINH*

1. Việt Nam trở thành nước thu nhập trung bình thấp

Sau gần 30 năm đổi mới, kể từ năm 1986 đến nay, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước tăng trưởng đáng kể, trung bình khoảng 7%/năm. Những năm đầu đổi mới, Việt Nam được xếp vào diện các nước nghèo nhất thế giới với GDP bình quân đầu người dưới 100 USD/năm. Đến nay, chỉ số này đã tăng lên gấp hơn mười lần (năm 2013 là 1.960 USD). Năm 2009, Việt Nam được xếp vào nhóm các nước có mức thu nhập trung bình thấp. Theo cách xếp loại của Ngân hàng Thế giới (WB), các nền kinh tế có thu nhập tính trên đầu người từ 975 USD trở xuống được xem là thu nhập thấp, từ 976 đến 11.906 USD là thu nhập trung bình và trên 11.906 USD là thu nhập cao. Bên cạnh đó, tỷ lệ đói nghèo ở Việt Nam giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 12% năm 2011 (WB).

Một trong những nguyên nhân quan trọng của sự tăng trưởng này là nhờ việc chuyển đổi từ mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Tỷ trọng kinh tế nhà nước trong GDP và tổng đầu tư xã hội giảm đáng kể trong khi tỷ trọng thành phần kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng, hiện chiếm khoảng 65% GDP, hơn 2/3 giá trị sản lượng công nghiệp và khoảng 60% vốn đầu tư toàn xã hội. Cơ chế quản lý được chuyển đổi từng bước từ hành chính, mệnh lệnh, tập trung, quan liêu sang phân công, phân cấp, tự hạch toán, tự chịu trách nhiệm theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

2. Kinh nghiệm về bẫy thu nhập trung bình từ Ma-lai-xi-a và Hàn Quốc

Tuy nhiên, theo cảnh báo từ EuroCham (Phòng Thương mại châu Âu tại Việt Nam), Việt Nam có thể rơi vào bẫy thu nhập trung bình như thực tế đã xảy ra ở Ma-lai-xi-a và Thái Lan. Bẫy thu nhập trung bình là khái niệm chỉ tình trạng một quốc gia thoát nghèo và gia nhập vào nhóm nước có thu nhập trung bình nhưng mất rất nhiều năm vẫn không trở thành quốc gia phát triển.

Năm 2009, WB đã cảnh báo thách thức về trung hạn quan trọng nhất đối với Ma-lai-xi-a là vượt qua khỏi bẫy thu nhập trung bình và gia nhập vào nhóm nước có thu nhập cao. Khoảng hơn 60 năm trước đây, một nửa người dân Ma-lai-xi-a sống trong cảnh đói nghèo với mức GDP bình

* Học viện Ngoại giao

quân đầu người vào khoảng 260 USD/năm. Ngày nay, số người nghèo ở Ma-lai-xi-a chiếm chưa đến 3% và GDP bình quân đầu người của nước này đạt xấp xỉ 8.100 USD/năm. Ma-lai-xi-a đã tận dụng được lợi thế nhân công giá rẻ để chuyển từ một nước có thu nhập thấp sang trung bình. Tuy nhiên khi thu nhập tăng, chi phí nhân công tăng dẫn đến tăng chi phí sản xuất. Theo nhận định của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB, 2012), Ma-lai-xi-a nằm trong nhóm nước trong bẫy thu nhập có thu nhập bình quân cao *(xem hình 1 cuối bài)*.

Do vậy, muốn duy trì được tình trạng tăng thu nhập để vượt qua mức thu nhập trung bình, một nước như Ma-lai-xi-a cần nâng cao chuỗi giá trị gia tăng của mình để sản xuất và xuất khẩu những sản phẩm có hàm lượng công nghệ và tri thức cao. Việc này đòi hỏi nguồn nhân lực được đào tạo tốt hơn nữa, một khu vực kinh tế tư nhân trong nước sáng tạo, sẵn sàng đầu tư cho nghiên cứu và phát triển để tạo ra những sản phẩm mới sáng tạo hơn[1]. Tuy vậy, mô hình kinh tế của Ma-lai-xi-a vẫn dựa vào tích lũy vốn là chủ yếu, nền kinh tế vẫn chưa có những nhà sản xuất quy mô lớn có tính cạnh tranh cao và chuỗi giá trị vẫn chưa được nâng cấp để có thể thâm nhập vào các thị trường hàng hoá và dịch vụ mang tính tri thức.

Trước thách thức to lớn này, Ma-lai-xi-a đã đặt ra mục tiêu kinh tế quan trọng nhất của Chính phủ là vượt qua bẫy thu nhập trung bình. Nhằm đạt được các mục tiêu đề ra, Ma-lai-xi-a đã và đang tiến hành mô hình kinh tế mới (NEM)[2] với 5 trụ cột là (i) cải cách kinh tế, (ii) xúc tiến đầu tư tư nhân, (iii) nguồn tăng trưởng mới, (iv) ổn định (tài chính) dài hạn, và (v) vốn con người cho nền kinh tế thu nhập cao[3].

Cũng nằm trong khu vực Đông Á, Hàn Quốc lại là một quốc gia điển hình trong việc vượt qua bẫy thu nhập trung bình. Quốc gia này đã tập trung vào phát triển công nghệ cao dựa vào cơ sở của nguồn lao động chất lượng cao để tiến đến vị thế quốc gia có thu nhập cao vào cuối những năm 90 thế kỷ XX. Theo báo cáo của ADB, Hàn Quốc đã đạt mức thu nhập bình quân đầu người 2.000 USD/năm vào năm 1969, thoát bẫy thu nhập trung bình thấp vào năm 1988 với GDP bình quân đầu người trên 7.000 USD/năm và thoát tiếp bẫy thu nhập trung bình khá để gia nhập vào nhóm nước phát triển vào năm 1995 với GDP bình quân đầu người là 11.750 USD. Tính đến năm 2004, Hàn Quốc chỉ mất 3 thập kỷ để chuyển từ một nước có nền kinh tế nghèo dựa vào nông nghiệp thành một cường quốc về công nghiệp trên thế giới. Khả năng hấp thụ công nghệ và tri thức mới của nền kinh tế Hàn Quốc được đánh giá là rất cao.

Quá trình chuyển đổi nhanh chóng của Hàn Quốc có thể được chia ra làm ba giai đoạn chính. Giai đoạn thứ nhất bắt đầu từ năm 1962 với các nhiệm vụ chính là tiết kiệm và đầu tư, thúc đẩy cải tiến công nghệ liên tục thông qua chính sách công nghệ và ngăn chặn thị trường lao động dựa vào nguồn nhân công rẻ và dồi dào. Giai đoạn hai gắn liền với cuộc khủng hoảng châu Á (1997 - 1998) khiến tăng trưởng kinh tế chậm lại và tình trạng thất nghiệp gia tăng. Tuy nhiên, đến giai đoạn ba bắt đầu từ năm 1999, Hàn Quốc đã phục hồi nhanh chóng nhờ vào các chính sách tiền tệ và tài khoá hiệu quả, sự tăng trưởng mạnh mẽ trong lĩnh vực xuất

khẩu và thu hút được nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) (*xem hình 2 cuối bài*).

Hàn Quốc, cũng như các nước NICs (New industrialized countries, những nước công nghiệp mới) khác của châu Á đã thực thi chính sách tăng trưởng kinh tế qua việc hỗ trợ đẩy mạnh xuất khẩu với những ngành công nghiệp mũi nhọn bằng cách tập trung đa dạng hoá sản phẩm và phát triển sản phẩm mới. Sản xuất cũng như sản phẩm làm ra được đẩy lên mức cao hơn trong chuỗi giá trị gia tăng. Những sản phẩm mới này thường được phát triển trong những ngành công nghiệp sử dụng tri thức và công nghệ tương tự với những ngành công nghiệp đã tồn tại sẵn, qua đó có thể tận dụng nền tảng tri thức và công nghệ có sẵn tại những ngành đó (công nghiệp thép, máy móc, cơ khí, điện tử...). Chiến lược kinh tế này cho phép tạo ra mối liên hệ gắn kết chặt chẽ các ngành công nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế và tận dụng điều đó vào việc tạo ra quá trình chuyển dịch từ từ một cách có hệ thống các hoạt động kinh tế lên mức giá trị gia tăng cao hơn, đặc biệt đối với những hoạt động kinh tế có công nghệ, tri thức và kỹ thuật sản xuất giống nhau[4].

3. Kiến nghị chính sách để Việt Nam tránh bẫy thu nhập trung bình

Theo báo cáo của ADB năm 2010, Việt Nam nằm trong nhóm nước thu nhập thấp và chưa bị rơi vào bẫy thu nhập.

Hiện tại, Việt Nam đã nhận ra thách thức rơi vào bẫy thu nhập trung bình ngay từ đầu năm 2011 đã đưa ra "Chiến lược phát triển kinh - tế xã hội (SEDS) giai đoạn 2011 - 2020". Mục tiêu của chiến lược này là đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 7 - 8%/năm và mức GDP năm 2020 theo giá so sánh bằng khoảng 2,2 lần so với năm 2010; GDP bình quân đầu người theo giá thực tế đạt khoảng 3.000 USD; tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm khoảng 85% trong GDP; giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 45% trong tổng GDP; giá trị sản phẩm công nghiệp chế tạo chiếm khoảng 40% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp; nông nghiệp có bước phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao; chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 30 - 35% lao động xã hội[5].

Để có thể đạt được mục tiêu kinh tế đã đề ra và quan trọng hơn để tránh việc phát triển kinh tế rơi vào bẫy thu nhập trung bình, Việt Nam không thể chỉ dựa vào các yếu tố đã giúp Việt Nam tăng trưởng kể từ những năm 90 thế kỷ XX đến nay. Cụ thể, các yếu tố đó là chi phí nhân công rẻ, nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào, ưu đãi về địa lý, sự ổn định về chính trị và sự hấp dẫn về một thị trường mới rộng lớn chưa được khai thác. Cùng với đó, Việt Nam cũng đã nhận được các khoản vốn vay ưu đãi ODA từ các nguồn song phương và đa phương.

Từ những kinh nghiệm thành công cũng như thất bại của các quốc gia trong khu vực trong nỗ lực vượt qua bẫy thu nhập trung bình và từ thực trạng của Việt Nam, Việt Nam cần tập trung vào ba yếu tố chính để tránh được bẫy thu nhập trung bình đó là (i) đầu tư cho giáo dục và đầu tư

cho sáng tạo, (ii) thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển, (iii) nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng.

Mặc dù nguồn nhân lực dồi dào là yếu tố cơ bản cho sự phát triển của Việt Nam trong thời gian qua, tỷ lệ lao động chất lượng cao chiếm tỷ lệ rất thấp. Theo đánh giá của WB, chất lượng lao động ở Việt Nam chỉ đạt 3,57/10 điểm, xếp thứ 11/12 nước châu Á tham gia xếp hạng, trong khi Hàn Quốc là 6,91, Ma-lai-xi-a là 5,59 và Thái Lan là 4,94 (WB, 2011). Thông qua giáo dục và đào tạo, Việt Nam có thể tạo một đội ngũ lao động có trình độ và tay nghề, giúp Việt Nam đối phó với những thay đổi ngày càng nhanh của thế giới.

Về vấn đề phát triển kinh tế tư nhân, không thể phủ nhận những đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào những thành tựu tăng trưởng và phát triển kinh tế ở Việt Nam. Đến nay, kinh tế tư nhân tạo ra khoảng 50% GDP[6]. Tuy nhiên, những doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam vẫn còn non kém, trình độ khoa học - kỹ thuật thấp và chưa có năng lực cạnh tranh với nước ngoài. Vì vậy, Chính phủ Việt Nam cần tạo thêm những điều kiện thuận lợi để khu vực kinh tế tư nhân phát triển thông qua việc gỡ bỏ các rào cản về thủ tục hành chính, đất đai, vốn và đổi mới về thể chế mà cụ thể là thể chế về kinh tế thị trường và có nguồn tài chính vững mạnh.

Cuối cùng, Việt Nam cũng cần chú trọng nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng. Thực tiễn cho thấy không một quốc gia nào trở thành nước phát triển mà không có một hệ thống cơ sở hạ tầng tiên tiến. Hiện tại, tổng đầu tư cho cơ sở hạ tầng ở Việt Nam chiếm tới 10% GDP, trong khi theo các chuyên gia kinh tế mức đầu tư vừa phải cho cơ sở hạ tầng để duy trì được tốc độ tăng trưởng cao và bền vững là 7% GDP. Tuy nhiên, chất lượng đầu tư ở Việt Nam thời gian qua còn bộc lộ nhiều yếu kém về mặt hiệu quả và phân bổ đầu tư. Trong khi các nước Đông Á có thể đạt được lợi thế cạnh tranh nhờ đầu tư cao vào cơ sở hạ tầng thì Việt Nam lại đang đối mặt với nhiều trở ngại trong cơ sở hạ tầng. Để cải thiện chất lượng đầu tư cơ sở hạ tầng, Chính phủ Việt Nam cần khuyến khích đầu tư của tư nhân trong và ngoài nước, đồng thời xây dựng một môi trường điều tiết minh bạch và hiệu quả hơn để tạo động cơ và sự an tâm cho các nhà đầu tư tư nhân. Đối với việc phân bổ đầu tư, Việt Nam cần tránh đầu tư lãng phí và dành nguồn vốn cho những dự án thiết yếu ở những vùng tăng trưởng nhanh❑

Chú thích:

1. Herizal Hazri and Nina Merchant-Vega: *Malaysia's Middle-Income Trap.* In ASIA, phân tích hàng tuần của Quỹ ASIA (2011).

2. NEM (New Economic Model) là mô hình kinh tế mới được Thủ tướng Ma-lai-xi-a đưa ra vào năm 2010 nhằm đưa đất nước tiến tới vị thế của nước phát triển vào năm 2020.

3. Ohno, Kenichi: *Hoạch định chính sách công nghiệp ở Thái Lan, Ma-lai-xi-a và Nhật Bản: Bài học cho các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam.* Diễn đàn phát triển Việt Nam (2006).

4. Anna Jan Kouska, Arne J. Nagengast and José Ramón Perea: *Middle Income Trap: Comparing Asian and Latin American Experiences.* Policy Insights số 96, OECD Development Centre.

5. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam: *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011.* 2012

6. Bùi Trinh: *Xác lập lại vai trò kinh tế tư nhân. Bao điện tử Người lao động.* 2012.

Hình 1: **NHÓM NƯỚC NẰM TRONG BẪY THU NHẬP CÓ THU NHẬP BÌNH QUÂN CAO (2010)**

Quốc gia	Khu vực	GDP/người 2010 (theo giá sức mua tương đương 1990)	Số năm là nước có thu nhập dưới trung bình	Số năm là nước có thu nhập trên trung bình (tính đến 2010)	Tăng trưởng bình quân (%) 2000 - 2010	Số năm cần thiết để đạt thu nhập $11 750
Ma-lai-xi-a	châu Á	10.567	27	15	2,6	5
U-ru-goay	Mỹ Latinh	10.934	112	15	3,3	3
Vê-nê-xu-ê-la	Mỹ Latinh	9. 662	23	60	1,4	15
A-rập Xê-út	Trung Đông	8. 396	20	32	0,9	37
Xi-ri	Trung Đông	8. 717	46	15	1,7	18

Số năm cần thiết để đạt thu nhập $11 750 = ln (11750/gdp2010) / (1+avegr)

Trong đó: avegr là tốc độ tăng trưởng trung bình của thu nhập bình quân giai đoạn 2000 - 2010

Nguồn: ADB (2012), tr. 23.

Hình 2: **CÁC CHỈ SỐ KINH TẾ THEO GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA HÀN QUỐC**

Giai đoạn	GDP PPP/ người (USD năm 2008)	Các chỉ số kinh tế					
		Các chỉ số kinh tế vĩ mô (giá trị trung bình của các năm trong từng giai đoạn)					Chỉ số thương mại (% GDP)
		Tăng trưởng GDP (%)	Cán cân tài khoá (% GDP)	Nợ công (% GDP)	Cán cân tài khoản vãng lai (% GDP)	Lạm phát (%)	Xuất khẩu (% GDP)
1962 - 1997	1962: 1. 704 1997: 18. 239	8,0	1975 - 1997: -1,0	1980 - 1997: 13,4	1975 - 1997: -1,4	14,1	24,4
1998	1998: 16. 867	-6,9	0,9	14,3	11,3	5,8	44,3
1999 - 2008	1999: 18. 336 2008: 26. 875	5,3	2,3	22,9	1,8	2,4	39,5 1999: 37,2 2008: 53,0
2009	2009: 26. 850	0,2	0,0	32,6	5,2	3,4	49,9
2010	2010: 28. 389	6,1	1,4	32,1	2,6	2,2	54,8

Nguồn: Alejandro & Fernando, 2011, tr. 9.